

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS -ST

Ngày: 17/8/2020

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST- DS ngày 11/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST- DS ngày 09/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST - DS ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên P

Địa chỉ: Số A, đường G, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1959, địa chỉ: Số nhà A đường G, phường D thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Bị đơn: Trung tâm Điều tra Q

Địa chỉ: Số 7, khu 34, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Tiến H -chức vụ: Giám đốc (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Điện Biên

Người đại diện: Ông Bùi Quang L – chức vụ: Trưởng phòng (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Công ty tư vấn đầu tư phát triển lâm nghiệp TNHH Nhà nước một thành viên

Địa chỉ: Tổ 5, khu T, thị trấn X, huyện C, tp Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thế P – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

3. UBND huyện T, tỉnh Điện Biên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Đ- chức vụ Chủ tịch ((vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/11/2013, Phòng tài nguyên và Môi trường huyện T, Công ty tư vấn đầu tư phát triển Lâm nghiệp TNHH nhà nước một thành viên (*viết tắt là Công ty nhà nước một thành viên*) ký Hợp đồng kinh tế số 05/HĐ-KT về việc rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn huyện T, tỉnh Điện Biên.

Ngày 25/11/2013, Công ty TNHH Một thành viên P (*viết tắt là Công ty P*), Trung tâm Điều tra quy hoạch nông, lâm nghiệp Bắc Giang (*viết tắt là Trung tâm Bắc Giang*) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 02 /HĐNT về việc cung ứng dịch vụ tư vấn giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn năm 2013 trên địa bàn các xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên.

Ngày 05/12/2013 Công ty nhà nước một thành viên và Trung tâm Bắc Giang ký hợp đồng kinh tế số 16 về việc giao khoán dịch vụ tư vấn rà soát hoàn chỉnh giao đất, giao rừng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện T, huyện T tỉnh Điện Biên

Ngày 08/12/2013 Công ty P và Trung tâm Bắc Giang ký Hợp đồng kinh tế số 17 về việc giao khoán dịch vụ tư vấn, rà soát hoàn chỉnh giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn các xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên với nội dung như sau: Đối tượng của Hợp đồng là thực hiện việc tư vấn giao rừng, đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn các xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên; khối lượng công việc phải làm là 14.000ha trong đó đất lâm nghiệp có rừng là 6.500,0ha; đất lâm nghiệp không có rừng là 7.500,0ha; thời hạn hợp đồng là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2015; giá trị của hợp đồng là 2.609.752.000 đồng.

Ngày 28/8/2015, Công ty P và Trung tâm Bắc Giang ký Phụ lục Hợp đồng số 19 với nội dung:

- Thay đổi nội dung hợp đồng tại Điều 1: Điều chỉnh khối lượng công việc
- Không triển khai thực hiện khối lượng công việc tư vấn giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp không có rừng tại địa bàn xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Thay đổi nội dung hợp đồng tại Điều 4:

- + Giá trị hợp đồng, thanh toán hợp đồng: Giá trị hợp đồng đã ký 2.609.752.000 đồng; giá trị hợp đồng sau khi điều chỉnh giá: 6.500ha x 140.000đ/ha = 910.000.000đồng. Giá trị quyết toán hợp đồng được căn cứ vào khối lượng thực tế hoàn thành (ha) x đơn giá 140.000 đồng/ha.

- Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng, cụ thể thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký đến ngày 30/6/2016.

Theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng thì nội dung công việc Công ty P phải làm là: Thực hiện rà soát, đo đạc tư vấn giao đất, giao rừng, đất lâm nghiệp; hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có rừng; hoàn thiện các thủ tục về hồ sơ địa chính đối với diện tích đất lâm nghiệp có rừng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại địa bàn các xã T, P, R

thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên. Về khối lượng công việc không có con số cụ thể mà căn cứ vào khối lượng thực tế hoàn thành (ha).

Quá trình thực hiện, Công ty P đã thực hiện và hoàn thành hết các nội dung công việc hai bên đã thỏa thuận, ký kết tại Hợp đồng kinh tế 17 và Phụ Lục hợp đồng số 19, đảm bảo về chất lượng, khối lượng và thời gian.

Về chất lượng công việc: Theo hợp đồng ký kết thì thời gian hoàn thành công việc là 30/6/2016, Công ty P đã hoàn thành và bàn giao vào ngày 20/6/2016. Sau khi bàn giao, bên nhận bàn giao là Trung tâm Bắc Giang và chủ đầu tư là Phòng tài nguyên môi trường huyện T không có ý kiến gì.

Về khối lượng công việc: Công ty P đã thực hiện và hoàn thành việc giao đất, giao rừng, đất lâm nghiệp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn các xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên với tổng khối lượng là 9.589,763ha tương ứng với trị giá là $140.000\text{đồng/ha} \times 9.589,763\text{ha} = 1.342.566.000\text{đồng}$. Căn cứ chứng cứ: Biên bản nghiệm thu kết quả rà soát, đo đạc để hoàn chỉnh thủ tục giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp ngày 26/5/2014 lập giữa Phòng Tài nguyên môi trường huyện T với đại diện hạt kiểm lâm, đại diện UBND xã R, đại diện đơn vị tư vấn (Công ty P) kèm theo các biểu thống kê theo hiện trạng; Biên bản nghiệm thu kết quả rà soát, đo đạc để hoàn chỉnh thủ tục giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp ngày 08/7/2014 lập giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T với đại diện hạt kiểm lâm, đại diện UBND xã P, đại diện đơn vị tư vấn (Công ty P) kèm theo các biểu thống kê theo hiện trạng; Biên bản giao nhận tài liệu ngày 16/10/2014 giữa Công ty P và Trung tâm điều tra quy hoạch Nông – Lâm nghiệp Bắc Giang kèm theo bản kê số lượng tài liệu; biên bản nghiệm thu số liệu ngoại nghiệp tại xã T cho Trung tâm Bắc Giang; biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 16/10/2014, 06/02/2015 và 20/6/2016 giữa Công ty P và Trung tâm Bắc Giang; các Biên bản nghiệm thu giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T với đại diện hạt kiểm lâm, đại diện UBND các xã P, R, T và đại diện đơn vị tư vấn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 32 chủ rừng tổng cộng là 64 giấy; Quyết định giao rừng của Ủy ban nhân dân huyện T về diện tích của từng lô rừng cho từng hộ gia đình và cộng đồng dân cư trên địa bàn 3 xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên; Bản đồ giao đất, giao rừng năm 2016 được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; Bảng kê chi tiết diện tích rừng, đất rừng của từng hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư do Công ty P lập; diện tích của các thửa đất được giao cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình, cộng đồng.

Trung tâm quy hoạch Bắc Giang đã tạm ứng cho Công ty P tổng số tiền là 770.000.000đồng. Quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng các bên không có tranh chấp gì. Đến nay Công ty không có ý kiến gì về Hợp đồng số 17, Phụ lục Hợp đồng số 19.

Theo quan điểm của Công ty P thì chủ đầu tư là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T tỉnh Điện Biên đã chấp thuận khối lượng công việc mà Công ty P bàn giao cho Trung tâm Bắc Giang theo biên bản bàn giao ngày 20/6/2016 vì sau khi bàn giao Công ty P không nhận được ý kiến phản ánh, kiến nghị gì của Trung tâm Bắc Giang hay Chủ đầu tư. Về mặt giấy tờ thì có thể Phòng Tài nguyên và Môi trường không có văn bản thể hiện việc chấp thuận nhưng về mặt thực tế thì

nội dung công việc, khối lượng công việc Công ty P làm đã được Chủ đầu tư là Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện T chấp thuận thể hiện tại sản phẩm cuối cùng là việc UBND huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 32 chủ rừng với tổng số 64 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi Công ty P hoàn thành khối lượng công việc theo thỏa thuận, giữa Công ty P và Trung tâm Bắc Giang chưa tiến hành nghiệm thu, thanh lý hợp đồng. Công ty P đã nhiều lần yêu cầu Trung tâm quy hoạch nông lâm Bắc Giang tiến hành nghiệm thu, thanh lý hợp đồng nhưng không được vì Trung tâm Bắc Giang cho rằng chưa thống nhất được với Công ty nhà nước một thành viên (là Công ty mà Trung tâm Bắc Giang ký hợp đồng ban đầu). Do vậy, Công ty P khởi kiện yêu cầu:

- Buộc Trung tâm Điều tra Q phải làm biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng;

- Buộc Trung tâm Điều tra Q phải trả Công ty TNHH MTV P số tiền còn lại là 572.566.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 30/7/2016 đến ngày 30/01/2019 là 128.827.350 đồng.

Công ty không đồng ý với ý kiến của Trung tâm Bắc Giang xác định giá trị của Hợp đồng còn lại chỉ là 140 triệu đồng vì tại mục 2 của Phụ lục Hợp đồng số 19 các bên thống nhất và thỏa thuận giá trị quyết toán của hợp đồng được căn cứ vào khối lượng thực tế hoàn thành nhân với đơn giá 140.000đồng/ha. Thực tế khối lượng công việc nguyên đơn đã hoàn thành là 9.589,763ha x 140.000đồng/ha = 1.342.566.000đồng, số tiền Trung tâm đã tạm ứng cho Công ty là 770 triệu đồng nên số tiền còn lại là 572.566.000đồng, không phải 140 triệu đồng như bị đơn nêu ra.

Căn cứ nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 30/7/2016: Căn cứ vào biên bản bàn giao khối lượng công việc ngày 20/6/2016 giữa Công ty P và Trung tâm Bắc Giang. Công ty P đã thực hiện việc bàn giao khối lượng công việc hoàn thành kể từ ngày 20/6/2016 nhưng Trung tâm Bắc Giang không thanh toán trả tiền còn lại. Công ty đã dành thời gian 40 ngày cho Trung tâm Bắc Giang thu xếp thanh toán số tiền còn lại nhưng không thanh toán nên Công ty yêu cầu tính lãi từ ngày 30/7/2016 của số tiền còn lại 572.566.000đồng, mức lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 0,75%/tháng.

Tại văn bản trình bày ý kiến, bản tự khai bị đơn Trung tâm Điều tra Q trình bày:

Ngày 26/11/2013 Phòng tài nguyên và Môi trường huyện T và Công ty nhà nước một thành viên ký Hợp đồng kinh tế số 05/HĐ-KT về việc rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn huyện T, tỉnh Điện Biên, thời hạn thực hiện hợp đồng là hết 31/12/2015. Ngày 05/12/2013, Công ty nhà nước một thành viên và Trung tâm Bắc Giang ký Hợp đồng kinh tế số 16/HĐ-KT về việc rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện T, tỉnh Điện Biên, thời hạn thực hiện hợp đồng là từ 05/12/2013 đến 31/12/2015. Ngày 25/11/2013, Trung tâm Bắc Giang và Công ty P ký Hợp đồng nguyên tắc số 02 về việc cung ứng dịch vụ tư vấn giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn năm 2013 trên địa

bản xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên. Ngày 08/12/2013, Công ty P và Trung tâm Bắc Giang ký Hợp đồng kinh tế số 17 về việc giao khoán dịch vụ tư vấn, rà soát hoàn chỉnh giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn các xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên. Ngày 28/8/2015 các bên ký Phụ lục Hợp đồng số 19. Về nội dung thỏa thuận tại hợp đồng kinh tế số 17; Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 19 như nguyên đơn đã trình bày.

Quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng các bên không có tranh chấp gì. Trung tâm Bắc Giang không có ý kiến gì về Hợp đồng 17, Phụ lục Hợp đồng 19. Trung tâm Bắc Giang đã tạm ứng cho Công ty P tổng số tiền là 770.000.000đồng.

Ngày 20/6/2016, Công ty P đã bàn giao khối lượng và hồ sơ thành quả giao đất, giao rừng cho Trung tâm Bắc Giang (thể hiện tại Biên bản bàn giao ngày 20/6/2016) trong đó khối lượng công việc Công ty P bàn giao là 9.589,763ha. Toàn bộ hồ sơ thành quả nhận từ Công ty P, ngày 30/6/2016 Trung tâm Bắc Giang đã bàn giao cho Công ty nhà nước một thành viên (thể hiện tại biên bản bàn giao ngày 30/6/2016). Ngày 30/6/2016 Công ty nhà nước một thành viên đã bàn giao khối lượng công việc và hồ sơ thành quả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (thể hiện tại Biên bản bàn giao ký ngày 30/6/2016).

Sau khi nhận bàn giao, Trung tâm Bắc Giang, Công ty nhà nước một thành viên, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T chưa có ý kiến gì về chất lượng, khối lượng công việc, chỉ đến khoảng năm 2017 sau khi sản phẩm được nộp lên Sở Tài nguyên và Môi trường thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên đã chỉ ra các sai sót để khắc phục nên Phòng Tài nguyên và Môi trường T mới có văn bản yêu cầu khắc phục sai sót (thể hiện tại Công văn số 06 ngày 13/3/2018 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T gửi Công ty nhà nước một thành viên). Ngay sau khi nhận được các ý kiến phản hồi, bị đơn đã gửi cho Công ty P trong đó có Công văn số 06 ngày 13/3/2018 của Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện T.

Mặc dù Công ty P đã bàn giao khối lượng công việc và thành quả cho Trung tâm Bắc Giang nhưng kết quả đó chưa được Chủ đầu tư là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T chấp thuận (bằng biên bản xác nhận hồ sơ thành quả cuối cùng), chưa được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên ký xác nhận vào sổ địa chính (là công đoạn cuối cùng) nên Trung tâm Bắc Giang xác định Công ty P mới hoàn thành hết các nội dung công việc theo thỏa thuận còn về chất lượng chưa đảm bảo nên chưa đủ cơ sở để nghiệm thu thanh lý hợp đồng theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng kinh tế số 17 ngày 08/12/2013 và mục 2 Phụ lục hợp đồng số 19 ngày 28/8/2015. Do các bên chưa nghiệm thu, thanh lý hợp đồng nên chưa có căn cứ xác định giá trị của hợp đồng là bao nhiêu nên chưa có cơ sở xác định số tiền còn lại là bao nhiêu. Giá trị hợp đồng được xác định căn cứ vào phụ lục 3A (Biểu xác định khối lượng giá trị hoàn thành) theo quy định của Bộ tài chính. Tại mục 2 Phụ lục hợp đồng số 19 ngày 28/8/2015 các bên thỏa thuận rõ: Khi Trung tâm quy hoạch Bắc Giang nhận được toàn bộ giá trị thanh toán của Công ty nhà nước một thành viên thì mới thanh toán cho Công ty P. Do đến nay Công ty nhà nước một thành viên chưa thanh toán giá trị hợp đồng cho Trung tâm Bắc Giang nên Trung tâm Bắc Giang chưa

thanh toán cho Công ty P được . Do vậy, Trung tâm, không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trung tâm không đồng ý với ý kiến của Công ty P cho rằng khối lượng công việc mà Công ty P hoàn thành và bàn giao cho Trung tâm điều tra Q đã được Chủ đầu tư là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T tỉnh Điện Biên chấp thuận thể hiện tại sản phẩm cuối cùng là việc UBND huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 32 chủ rừng với tổng số 64 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ là một trong những sản phẩm cuối cùng trong đó còn có sổ mục kê, sổ địa chính, sổ cấp giấy nhưng sổ địa chính chưa được Sở Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận.

Tổng số tiền Công ty nhà nước một thành viên đã tạm ứng cho Trung tâm Bắc Giang liên quan đến hợp đồng số 16 ngày 05/12/2013 là 4.610.000.000đồng/ 5.958.898.000 đồng = 77%. Tổng số tiền Trung tâm quy hoạch Bắc Giang đã tạm ứng cho Công ty P là 770 triệu đồng/ tổng giá trị hợp đồng = 84,6% nhiều hơn so với thỏa thuận về tạm ứng của hai bên tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng số 17 ngày 08/12/2013 và mục 2 của Phụ lục hợp đồng số 19 ngày 28/8/2015.

Nếu căn cứ theo giá trị hợp đồng các bên đã thỏa thuận ký kết tại hợp đồng kinh tế số 17 ngày 08/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 19 ngày 28/8/2015 thì số tiền Trung tâm quy hoạch Bắc Giang còn phải thanh toán cho Công ty P là 140 triệu đồng. Nếu căn cứ vào khối lượng thực tế hoàn thành thì chưa có căn cứ xác định giá trị quyết toán hợp đồng vì khối lượng công việc nêu trên chưa được chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

Tại biên bản ghi lời khai, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Điện Biên trình bày:

Ngày 26/11/2013 Phòng tài nguyên và Môi trường huyện T ký hợp đồng kinh tế số 05/HĐ-KT với Công ty nhà nước một thành viên về việc rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn huyện T, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đã ký bổ sung Phụ lục hợp đồng số 07/HĐKT ngày 28/11/2013 và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT, số 08/HĐKT ngày 20/12/2016. Nội dung hợp đồng: Công ty nhà nước một thành viên thực hiện gói thầu rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn huyện T, tỉnh Điện Biên. Tổng diện tích đất lâm nghiệp đo vẽ, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp là 58.069,0ha; giá trị hợp đồng là 13.977.912.000đồng; giá trị hợp đồng điều chỉnh tại phụ lục hợp đồng số 07 ngày 28/11/2013 là 11.623.800.000đồng; công tác nghiệm thu thanh toán: Thanh toán theo khối lượng nghiệm thu thực tế. Thời hạn của hợp đồng từ ngày 28/11/2013 đến 31/12/2015, sau khi hết hạn hợp đồng hai bên gia hạn đến 30/6/2016. Hiện tại hai bên chưa thực hiện xong hợp đồng, lý do sản phẩm chưa được Sở tài nguyên và môi trường xác nhận do phải chỉnh sửa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ địa chính theo yêu cầu của Sở tài nguyên và môi trường, hiện tại Công ty chưa sửa xong. Khi Công ty bàn giao hồ sơ cho Phòng và chuyển hồ sơ lên Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên thẩm định thì được yêu cầu chỉnh sửa giấy chứng nhận QSD và sổ địa chính do lập chưa đúng theo thông tư hướng dẫn của Bộ tài nguyên và môi trường. Sau khi có ý kiến của Sở

Tài nguyên và Môi trường thì Phòng Tài nguyên và Môi trường đã điện thoại trực tiếp cho Công ty một thành viên để chỉnh sửa nhưng Công ty không thực hiện. Đến ngày 01/11/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 100/CV-TNMT; UBND huyện có văn bản số: 1413/UBND-TNMT ngày 30/12/2016 về việc hoàn thiện hồ sơ địa chính thực hiện Kế hoạch số 388/KH-UBND của UBND tỉnh Điện Biên trên địa bàn huyện T, ngày 18/7/2017 UBND huyện T tiếp tục có văn bản số 948/UBND –TNMT tiếp tục đôn đốc Công ty một thành viên hoàn thiện hồ sơ địa chính. Đến ngày 31/12/2018 Công ty nhà nước một thành viên chưa hoàn thiện việc chỉnh sửa hồ sơ địa chính theo yêu cầu nên Phòng Tài nguyên và Môi trường đã ban hành văn bản 06/CV-TNMT ngày 13/3/2018 về việc hoàn thiện hồ sơ địa chính. Việc khắc phục những sai sót trên thuộc trách nhiệm của đơn vị tư vấn là Công ty nhà nước một thành viên. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công ty nhà nước một thành viên chưa nghiệm thu, thanh lý hợp đồng vì Công ty chưa chỉnh sửa xong hồ sơ địa chính. Căn cứ hồ sơ Công ty nhà nước một thành viên đã giao cho Phòng tài nguyên môi trường, giá trị thực hiện được hai bên chấp nhận là 7.003.600.000đồng. Hiện nay Phòng tài nguyên môi trường đã thanh toán cho Công ty một thành viên tổng số tiền 6.333.240.000đồng, Phòng tài nguyên môi trường đang tạm giữ số tiền 521.760.000đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T. Khi nào Công ty nhà nước một thành viên chỉnh sửa xong hồ sơ, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Điện biên xác nhận thì hai bên sẽ nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

Tại văn bản ý kiến ngày 25/8/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Tư vấn đầu tư phát triển lâm nghiệp TNHH Nhà nước MTV trình bày:

Từ trước tới nay Công ty tư vấn đầu tư phát triển lâm nghiệp MTV chưa từng làm bất cứ công việc gì có liên quan đến Công ty P, Công ty chỉ làm việc với Trung tâm điều tra Q về việc giao cho Trung tâm thực hiện gói thầu: Dịch vụ tư vấn rà soát hoàn chỉnh giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện T và huyện T tỉnh Điện Biên. Công ty đã tạm ứng cho Trung tâm Bắc Giang số tiền là gần năm tỷ đồng để Trung tâm đi làm tại huyện T và huyện T tỉnh Điện Biên về giao đất rừng và yêu cầu Trung tâm phải xuất hóa đơn tài chính hợp lệ theo từng đợt tạm ứng cho Công ty. Đến nay, Trung tâm Bắc Giang đã ký xác nhận tiền tạm ứng của Công ty nhưng chưa cung cấp cho Công ty hóa đơn tài chính. Trung tâm Bắc Giang đã bàn giao sản phẩm cho huyện T nhưng đến khi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T tỉnh Điện Biên kiểm tra sản phẩm thì phát hiện có sai sót. Vì vậy Phòng tài nguyên môi trường huyện T yêu cầu Trung tâm Bắc Giang phải chỉnh sửa theo biểu mẫu của Sở Tài nguyên và Môi trường đưa ra, sau khi chỉnh sửa xong sẽ tiến hành nghiệm thu và bàn giao nhưng đến nay Trung tâm Bắc Giang vẫn chưa chỉnh sửa xong. Hiện nay Phòng Tài nguyên và Môi trường còn giữ lại một số kinh phí của Công ty nên Công ty chưa thể tạm ứng tiếp cho Trung tâm Bắc Giang. Đến khi nào Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T chấp nhận kết quả bàn giao của Trung tâm Bắc Giang và Trung tâm Bắc Giang cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính cho Công ty thì hai bên sẽ gặp nhau để thanh quyết toán.

Tại Văn bản ý kiến thể hiện quan điểm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên trình bày:

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T được UBND huyện T giao làm chủ đầu tư dự án: Rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn huyện T, tỉnh Điện Biên. Ngày 26/11/2013, Phòng tài nguyên và Môi trường huyện T ký hợp đồng kinh tế số 05/HĐ-KT với Công ty tư vấn đầu tư và phát triển Lâm nghiệp TNHH nhà nước một thành viên về việc rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn huyện T, tỉnh Điện Biên, sau đó tiếp tục ký kết bổ sung Phụ lục hợp đồng số 07/HĐKT ngày 28/11/2013 và Phụ lục số 08/HĐKT ngày 20/12/2016. Việc ký kết hợp đồng nêu trên là đúng quy định pháp luật, hai bên đang trong quá trình thực hiện hợp đồng. UBND huyện T không có ý kiến gì khác với ý kiến của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện T đã trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2019.

Về quá trình hoàn thiện hồ sơ, chỉnh sửa theo yêu cầu của Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với Công ty nhà nước một thành viên, UBND huyện T cũng đã có Công văn số 1413/UBND-TNMT ngày 31/12/2016 và Công văn số 948/UBND-TNMT ngày 18/7/2017 gửi Công ty nhà nước một thành viên về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và hướng dẫn số 559/HD-STNMT-SNNPTNT và các nội dung cần hoàn chỉnh theo văn bản số 212/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 11/4/2016 nhưng đến nay Công ty nhà nước một thành viên chưa sửa chữa và hoàn thiện xong và không có phản hồi gì với UBND huyện T. UBND huyện T không ký hợp đồng kinh tế với Công ty P và Trung tâm Bắc Giang nên không có ý kiến gì với việc giải quyết tranh chấp trong vụ án.

Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng không được do các đương sự không thống nhất được về việc giải quyết vụ án.

Ngày 29/7/2019, Tòa án hoãn phiên tòa do nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

Tại phiên tòa ngày 17/8/2019:

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn trình bày;

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải làm biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 17 ngày 08/12/2013; buộc bị đơn phải trả số tiền còn lại là 572.566.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 30/7/2016 đến ngày 30/01/2019 là 128.827.350 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Nguyên đơn không có ý kiến gì về các điều khoản trong Hợp đồng số 17, Phụ lục Hợp đồng số 19. Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng thể hiện đúng ý chí của các bên, ký trên cơ sở tự nguyện.

- Nguyên đơn đã hoàn thành hết các nội dung công việc theo thỏa thuận, đảm bảo về khối lượng, chất lượng nên có căn cứ để nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

- Khối lượng công việc nguyên đơn hoàn thành là 9.589,763ha x 140.000đồng/ha = 1.342.566.000đồng, bị đơn tạm ứng cho nguyên đơn 770 triệu đồng nên số tiền còn lại là 572.566.000 đồng buộc bị đơn phải trả nguyên đơn.

- Căn cứ nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả như nguyên đơn đã trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện T, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T chấp hành đúng quy định của pháp luật; Công ty nhà nước một thành viên chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện T, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị vắng mặt; Công ty nhà nước một thành viên đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Công ty P khởi kiện yêu cầu bị đơn là Trung tâm Bắc Giang nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hoàn trả số tiền còn thiếu theo hợp đồng số 17 về việc giao khoán dịch vụ tư vấn, rà soát hoàn chỉnh giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn các xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào Điều 513 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ dân sự về “Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ”. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu nghiệm thu, thanh lý hợp đồng:

[2.1.1] Ngày 08/12/2013 Công ty P và Trung tâm Bắc Giang ký kết Hợp đồng kinh tế số 17 về việc giao khoán dịch vụ tư vấn, rà soát hoàn chỉnh giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn các xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên. Ngày 28/8/2015 các bên ký Phụ lục Hợp đồng số 19. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng thì đối tượng của Hợp đồng là thực hiện việc tư vấn giao rừng, đất lâm nghiệp có rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn các xã T, P, R thuộc huyện T, tỉnh Điện Biên; khối lượng công việc phải làm là 6.500,0ha; giá trị của hợp đồng là $6.500\text{ha} \times 140.000\text{đ/ha} = 910.000.000\text{đồng}$; giá trị quyết toán hợp đồng được căn cứ vào khối lượng thực tế hoàn thành (ha) x đơn giá 140.000đồng/ha; thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký đến ngày 30/6/2016.

[2.1.2] Theo Biên bản nghiệm thu kết quả rà soát, đo đạc để hoàn chỉnh thủ tục giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp ngày 26/5/2014 lập giữa Phòng Tài nguyên môi trường huyện T với đại diện hạt kiểm lâm, đại diện UBND xã R, đại diện đơn vị tư vấn (Công ty P) kèm theo các biểu thống kê theo hiện trạng; Biên bản nghiệm thu kết quả rà soát, đo đạc để hoàn chỉnh thủ tục giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp ngày 08/7/2014 lập giữa Phòng Tài nguyên môi trường huyện T với đại diện hạt kiểm lâm, đại diện UBND xã P, đại diện đơn vị tư vấn (Công ty P) kèm theo các biểu thống kê theo hiện trạng; Biên bản giao nhận tài liệu ngày 16/10/2014 giữa Công ty P và Trung tâm điều tra quy hoạch Nông – Lâm nghiệp Bắc Giang kèm theo bản kê số lượng tài liệu; Biên bản nghiệm thu số liệu ngoại nghiệp tại xã T cho Trung tâm Bắc Giang; Biên bản bàn giao tài liệu ngày 16/10/2014, ngày 06/02/2015, ngày 20/6/2016 giữa bên giao là Công ty P, bên nhận là Trung tâm điều tra quy hoạch Nông – Lâm nghiệp Bắc Giang có đính kèm bảng thống kê các tài liệu bàn giao. Theo lời khai nguyên đơn, lời khai bị đơn thì khối lượng công việc Công ty P đã làm là 9.589,763ha.

[2.1.3] Tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng kinh tế số 17 ngày 08/12/2013 các bên thỏa thuận: “ 3. Nghiệm thu thanh toán: Sau khi hoàn thành nội dung công việc cam kết trong Hợp đồng, bàn giao tài liệu thành quả cho chủ đầu tư và được chấp thuận, Bên A và bên B ký Biên bản nghiệm thu công trình, thanh toán và tiến hành thanh lý hợp đồng”.

Tại mục 2 Phụ lục hợp đồng số 19 ngày 28/8/2015 các bên thỏa thuận:

“Hai bên thống nhất: Khi chủ đầu tư chấp nhận hồ sơ giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn các xã T, P, R thuộc huyện T tỉnh Điện Biên bằng biên bản xác nhận hồ sơ thành quả cuối cùng thì chậm nhất sau 5 ngày làm việc hai bên gặp nhau tiến hành làm biên bản nghiệm thu, xác định khối lượng hoàn thành và giá trị thanh toán của bên B được hưởng, ngay sau đó làm biên bản thanh lý để thanh lý hợp đồng”

Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất khai Chủ đầu tư là Phòng tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Điện Biên. Theo lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Phòng tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Điện Biên (Chủ đầu tư - BL 418-419), Công ty nhà nước một thành viên (BL 427-428) thì đến nay Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T và Công ty nhà nước một thành viên chưa nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hai bên chưa thực hiện xong hợp đồng, lý do sản phẩm chưa được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận do phải chỉnh sửa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ địa chính theo yêu cầu của Sở tài nguyên và môi trường, hiện tại Công ty chưa sửa xong. Phòng Tài nguyên và Môi trường còn giữ lại một số kinh phí của Công ty nhà nước một thành viên nên Công ty chưa thể tạm ứng tiếp cho Trung tâm Bắc Giang. Đến khi nào Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T chấp nhận kết quả bàn giao của Trung tâm Bắc Giang và Trung tâm Bắc Giang cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính cho Công ty nhà nước một thành viên thì hai bên sẽ gặp nhau để thanh quyết toán.

Tại mục 2.4 khoản 2 Điều 1 Hợp đồng kinh tế số 17 ngày 08/12/2013 các bên có thỏa thuận: “2. Nội dung công việc.....2.4. Hoàn chỉnh hồ sơ địa chính để bên A trình duyệt cấp cấp có thẩm quyền phê duyệt và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (bên A trong hợp đồng là Trung tâm điều tra quy hoạch Bắc Giang).

Như vậy, mặc dù Công ty P đã hoàn thành nội dung công việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 17, Phụ lục hợp đồng số 19 nhưng kết quả đó chưa được chủ đầu tư - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T chấp thuận (bằng biên bản xác nhận hồ sơ thành quả cuối cùng), chưa được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên ký xác nhận vào sổ địa chính (là công đoạn cuối cùng) nên việc Công ty P yêu cầu Trung tâm quy hoạch Bắc Giang tiến hành nghiệm thu, thanh lý hợp đồng là chưa có cơ sở theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng kinh tế số 17 ngày 08/12/2013; mục 2 Phụ lục hợp đồng số 19 ngày 28/8/2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn lại là 572.566.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 30/7/2016 đến ngày 30/01/2019 là 128.827.350 đồng thì thấy: Do chưa có cơ sở để nghiệm thu, thanh lý hợp đồng nên chưa có căn cứ xác định số tiền bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn chưa có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 518; Điều 521, Điều 522; Điều 524 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV P về việc buộc Trung tâm Điều tra Q phải làm biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng;

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV P về việc buộc Trung tâm Điều tra Q phải trả số tiền còn lại là 572.566.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 30/7/2016 đến ngày 30/01/2019 là 128.827.350 đồng.

4. Về án phí:

- Công ty TNHH MTV P phải chịu 32.055.734 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.028.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000292 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời

hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp B.
- CCTHADS Tp B .
- Các đ- ơng sự.
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

